

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 530/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Dương Ngọc L; sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 6 phường Ch L (nay là tổ 4 phường Ch L), Pleiku, Gia Lai.

2. Chị Huỳnh Thị Mai Tr; sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 6 phường Ch L (nay là tổ 4 phường Ch L), Pleiku, Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh Dương Ngọc L và chị Huỳnh Thị Mai Tr đoàn tụ nhưng không thành. Anh L và chị Tr thực sự tự nguyện ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc nuôi con chung: Anh Dương Ngọc L và chị Huỳnh Thị Mai Tr có hai người con chung cháu Dương Minh V- sinh ngày 13/3/2008 và cháu Dương Thiệu V - sinh ngày 15/2/2012. Các đương sự thống nhất thỏa thuận giao cả hai cháu cho anh Dương Ngọc L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sự thỏa thuận của anh chị bảo đảm quyền lợi chính đáng của các cháu theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các điểm b, c khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về tài sản chung: Anh Dương Ngọc L và chị Huỳnh Thị Mai Tr đã tự thỏa thuận việc chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án công nhận theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Dương Ngọc L và chị Huỳnh Thị Mai Tr thỏa thuận anh Long chịu toàn bộ lệ phí Tòa án về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,

thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Ngọc L và chị Huỳnh Thị Mai Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Dương Ngọc L và chị Huỳnh Thị Mai Tr có hai người con chung cháu Dương Minh V- sinh ngày 13/3/2008 và cháu Dương Thiệu V - sinh ngày 15/2/2012. Các đương sự thống nhất thỏa thuận giao cả hai cháu cho anh Dương Ngọc L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cho đến khi thành niên, tự lập được hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Dương Ngọc L không yêu cầu chị Huỳnh Thị Mai Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Anh Dương Ngọc L và chị Huỳnh Thị Mai Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án công nhận.

- Về lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Dương Ngọc L và chị Huỳnh Thị Mai Tr thỏa thuận anh Long chịu toàn bộ tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005371 ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Anh L đã nộp đủ tiền lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (02b);
- Cơ quan THADS cùng cấp (01b);
- UBND phường Ia Kring, Pleiku(01b);
- Lưu: hồ sơ việc dân sự (01b).

THẨM PHÁN

Lưu Anh Tuấn

